



## ***TIÊU CHUẨN CÔNG ĐOẠN***

Công đoạn áp dụng: **KIỂM TRA SUY HAO**

Số: **000-4-PS-017-0097**
Phiên bản: 04

Tài liệu tham khảo: 4-OP-0081 

Tài liệu tham khảo: 4-OP-0081 

**I. Phạm vi áp dụng: THEO DMS**

## **II. Nội dung:**

\* Cài đặt thông số của hệ thống loss cho dãy bước sóng:

T-Connector dùng **FBG 20 dB**                      T-Connector dùng **FBG 40 dB**

T-Connector dùng **FBG 20 dB**                      T-Connector dùng **FBG 40 dB**

WL		Dãy bước sóng
IL	1310nm	1290~1330
	1550nm	1530~1570
	1650nm	<b>1644~1656</b>
RL	1310nm	1290~1330
	1550nm	1530~1570
	1650nm	<b>1645~1655</b>

WL		Dãy bước sóng
IL	1310nm	1290~1330
	1550nm	1530~1570
	1650nm	<b>1644~1656</b>
RL	1310nm	1290~1330
	1550nm	1530~1570
	1650nm	<b>1645~1655</b>

**Ghi chú:**

Khi cần thay đổi bước sóng thì báo PRE xử lý.

## Yêu cầu

## Hình ảnh minh họa

1. Yêu cầu về dây đo chuẩn:

- Loại dây đo: MMTC-10-SM R30-FC/APC-SC/UPC-2M  
 - Kiểm tra bề mặt dây đo trước khi đo theo nhắc nhở trong chương trình.  
**Tiêu chuẩn kiểm: tham khảo PS#000-5-PS-012-0013.**

- Phải vệ sinh bề mặt dây đo trước mỗi lần kết nối.

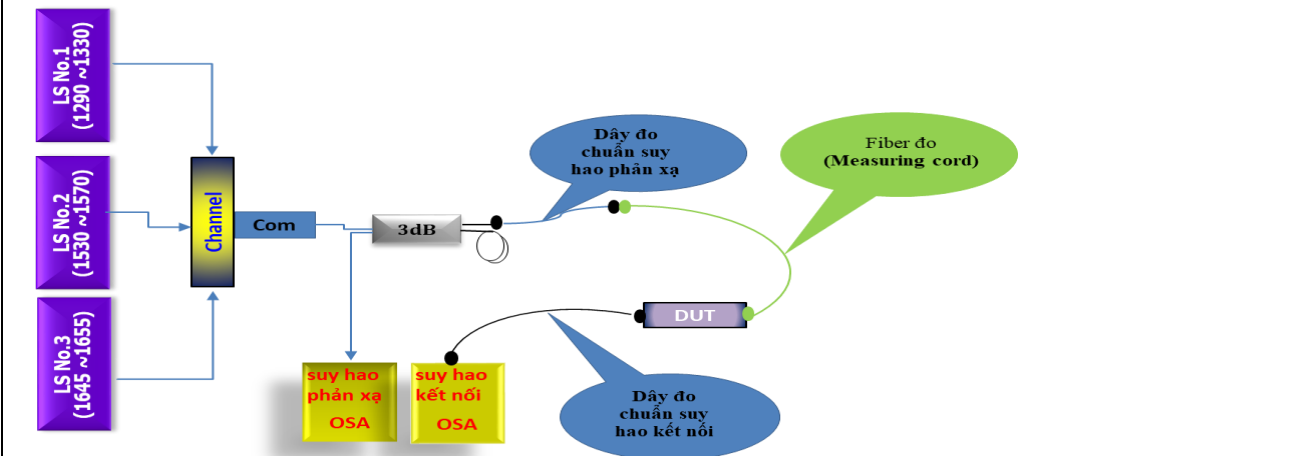



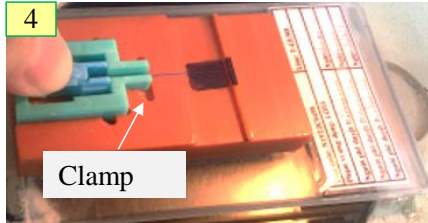
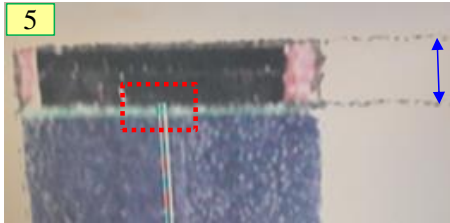
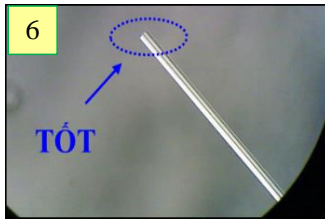
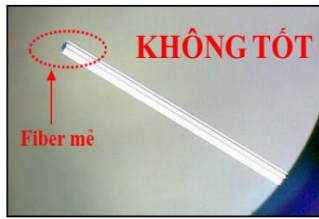
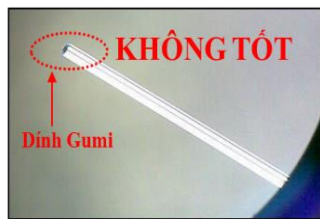


## 2. Yêu cầu về fiber đo (fiber 0.25mm)


- Loại Fiber đo: MMTC-10-SM R15-SC/UPC-(N/A)
- Mỗi sản phẩm **chỉ được phép xỏ fiber đo 1 lần**. Khi Rework sản phẩm được phép xỏ fiber đo tiếp 1 lần => **Tối đa được phép xỏ fiber đo 2 lần/sản phẩm.**



3. Yêu cầu về sơ đồ kết nối: sơ đồ đo P0 & đo sản phẩm



TIÊU CHUẨN CÔNG ĐOẠN																																			
Công đoạn áp dụng: <b>KIỂM TRA SUY HAO</b>		Số: <b>000-4-PS-017-0097</b>	Phiên bản: 04																																
Tên tài liệu: <b>LOSS KY-T-Connector S-LG</b>		Tài liệu tham khảo: 4-OP-0081																																	
Yêu cầu		Hình ảnh minh họa																																	
<p><b>4. Yêu cầu đo sản phẩm</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tuốt Fiber, vệ sinh, khây &amp; cắt Fiber.</li><li>- Xò Fiber vô Stopring sản phẩm &amp; kết nối vô Dây đo chuẩn để đo suy hao kết nối &amp; suy hao phản xạ.</li><li>- Lưu giá trị đo được (giá trị <b>OK</b> &amp; <b>NG</b>).</li><li>- Lấy Fiber ra khỏi sản phẩm.</li><li>- Kiểm tra fiber trần sau khi đo để đảm bảo chiều dài trước và sau kết nối</li></ul> <p><b>Chú ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chỉ sử dụng hệ thống loss có OSA là N17MME2855 khi đo lại sản phẩm rút loss IL1650 &amp; RL1550.</li><li>- Kết nối kĩ các connector và vệ sinh endface MTC/sản phẩm kỹ, để tránh các giá trị rút loss bất thường xảy ra.</li></ul>		<table><tr><th>IL1550</th><th>RL1550</th><th>IL1650</th><th>RL1650</th></tr><tr><td>0.61</td><td>42.83</td><td>20.97</td><td>0.54</td></tr><tr><td>0.82</td><td>32.25</td><td>30.81</td><td>0.51</td></tr><tr><td>0.77</td><td>42.41</td><td>21.85</td><td>0.54</td></tr></table> <p>Nhận diện rút loss có liên quan fiber FBG:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giá trị <b>OK</b>: IL1550 và RL1650</li><li>- Giá trị <b>NG</b>: RL1550 và IL1650</li></ul> <table><tr><th>IL1550</th><th>RL1550</th><th>IL1650</th><th>RL1650</th></tr><tr><td>3.73</td><td>14.27</td><td>17.84</td><td>6.19</td></tr><tr><td>8.34</td><td>30.16</td><td>20.66</td><td>17.03</td></tr><tr><td>0.18</td><td>43.93</td><td>19.91</td><td>0.52</td></tr></table> <p>Nhận diện rút loss <b>bất thường KHÔNG</b> liên quan fiber FBG:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giá trị <b>NG</b> có xuất hiện thêm ở các mục IL1550 và RL1650</li></ul>		IL1550	RL1550	IL1650	RL1650	0.61	42.83	20.97	0.54	0.82	32.25	30.81	0.51	0.77	42.41	21.85	0.54	IL1550	RL1550	IL1650	RL1650	3.73	14.27	17.84	6.19	8.34	30.16	20.66	17.03	0.18	43.93	19.91	0.52
IL1550	RL1550	IL1650	RL1650																																
0.61	42.83	20.97	0.54																																
0.82	32.25	30.81	0.51																																
0.77	42.41	21.85	0.54																																
IL1550	RL1550	IL1650	RL1650																																
3.73	14.27	17.84	6.19																																
8.34	30.16	20.66	17.03																																
0.18	43.93	19.91	0.52																																
<p><b>5. Hướng dẫn kiểm tra fiber đo</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Kiểm tra fiber trần:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Đặt Clamp gắn fiber dưới kính hiển vi (Microscope) với tiêu cự X 1 (4)</li><li>+ Kiểm tra &amp; đánh giá fiber trần:<ul style="list-style-type: none"><li>Fiber trần nằm trong vùng 10mm: <b>OK</b> (5)</li><li>Bề mặt vết cắt không bị mẻ, bể, dính Gumi: <b>OK</b> (6)</li></ul></li></ul></li><li>- Chỉ dùng fiber <b>OK</b> để đo loss cho sản phẩm.</li><li>- Kiểm tra lại fiber trần sau 6 lần kết nối. Nếu phát hiện fiber trần <b>NG</b> =&gt; thu hồi tất cả sản phẩm đã dùng fiber trần phát hiện NG để kiểm tra bề mặt Gumi bên trong:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Có Gumi: <b>OK</b></li><li>+ Không có Gumi hoặc Gumi bể, dơ: <b>NG</b> (hủy sản phẩm)</li></ul></li></ul>		<div><div><p>4</p><p>Clamp</p></div><div><p>5</p><p>Vùng fiber trần đạt chuẩn chiều dài ~10mm (Spec: 9.7-10.7mm)</p></div></div> <div><div><p>6</p><p>TỐT</p></div><div><p>KHÔNG TỐT</p><p>Fiber mẻ</p></div><div><p>KHÔNG TỐT</p><p>Dính Gumi</p></div></div>																																	
<p><b>6. Kiểm tra ngoại quan sản phẩm sau khi đo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Kiểm tra số serial trùng với in lazer trên sản phẩm và đóng Wedge lại.</li><li>- Kiểm tra lỗi Wedge hở</li></ul>		<div><p>Wedge không bị hở: <b>OK</b></p></div> <div><p>Wedge hở: <b>NG</b></p></div>																																	
BẢO MẬT. TÀI LIỆU NÀY LÀ TÀI SẢN CỦA FOV, KHÔNG ĐƯỢC PHÉP MANG RA NGOÀI KHI KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA BAN LÃNH ĐẠO FOV.																																			

TIÊU CHUẨN CÔNG ĐOẠN						
Công đoạn áp dụng: KIỂM TRA SUY HAO			Số: 000-4-PS-017-0097		Phiên bản: 04	
Tên tài liệu: LOSS KY-T-Connector S-LG			Tài liệu tham khảo: 4-OP-0081			
LỊCH SỬ THAY ĐỔI						
Ngày	Phiên bản	Người ban hành	Nội dung sửa đổi		Lý do thay đổi	Người yêu cầu
			Nội dung cũ	Nội dung mới		
25-Sep-23	1	Tiên	-	- Ban hành mới	-	Huy HM
28-Aug-24	2	Nguyệt	-	- Add thêm mục 7 ( kiểm tra số sê-ri trùng với in lazer trên sản phẩm và hướng đúng của holder )	- Cho OP dễ hiểu	ThuDTM
30-Sep-24	3	Nguyệt	1. Yêu cầu về dây đo chuẩn: -MTC: <u>MMTC-10-SM-R30-FC/APC-SC/UPC</u> (Ở mục 1)	1. Yêu cầu về dây đo chuẩn: -MTC: <u>MMTC-10-SM-R30-FC/APC-SC/UPC-2M</u> (Ở mục 1)	- Thay đổi tên MTC	ThuDTM
			4. Yêu cầu đo sản phẩm: - Bấm Holder tại vị trí wedge #1, #2 & gắn Holder Cover vào Holder. Chú ý: - Chỉ sử dụng hệ thống loss số 4 khi đo lại sản phẩm rút loss IL1650 & RL1550	4. Bỏ mục: - Bấm Holder tại vị trí wedge #1, #2 & gắn Holder Cover vào Holder. Chú ý: - Chỉ sử dụng hệ thống loss có OSA là N17MME2855 khi đo lại sản phẩm rút loss IL1650 & RL1550	Cập nhật lại cho đúng nội dung	
			5. Yêu cầu kiểm tra fiber đo + Đặt Clamp gắn fiber dưới kính hiển vi (Microscope)	5. Yêu cầu kiểm tra fiber đo: + Đặt Clamp gắn fiber dưới kính hiển vi (Microscope) với tiêu cự X 1	Cập nhật lại cho đúng nội dung	
			7. Trước khi kiểm bề mặt (Endface), kiểm tra số sê-ri trùng với in lazer trên sản phẩm và hướng đúng của holder.	6. Kiểm tra ngoại quan sản phẩm sau khi đo: - Kiểm tra số serial trùng với in lazer trên sản phẩm và đóng Wedge lại.	- kết hợp lên mục 6.	
			N/A	Thêm: Ghi chú: Leader trở lên đăng nhập chương trình để thay đổi bước sóng	Cập nhật thêm hướng dẫn	
4-Oct-2024	4	Nguyệt	4. Yêu cầu đo sản phẩm - Tuốt Fiber, vệ sinh & cắt Fiber.	4. Yêu cầu đo sản phẩm - Tuốt Fiber, vệ sinh, khay & cắt Fiber.	Dừng áp dụng 9-PR-0014-9-FO-0001-4-RC-0156	ThuDTM